

PHỤ LỤC 01
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNPTNT ngày tháng 02 năm 2024 của Sở NN và PTNT)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	TỔNG SỐ	Trong đó		KBNN nơi giao dịch
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
I	Tổng thu ngân sách về phí, lệ phí:				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Số thu sự nghiệp				
3	Số thu khác				
II	Số nộp ngân sách:				
III	Dự toán chi:	5.850	650	5.200	
	Kinh phí từ NSNN cấp:	5.850	650	5.200	
	Kinh phí sự nghiệp	5.850	650	5.200	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.850	650	5.200	
	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN				
I	VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	2.550	0	2.550	
	<i>Mã số: 1114223 (Mã chương trình mục tiêu: 0490, tiểu mục: 0493)</i>				
	<i>Chương 412</i>				
	Kinh phí từ NSNN cấp:				
	Kinh phí sự nghiệp (Loại 280-281)	2.550	0	2.550	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.550	0	2.550	
1	Nội dung thành phần 03. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; Chương trình OCOP; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn...	1.200	0	1.200	KBNN tỉnh Quảng Ngãi, MKBNN: 2111
1.1	<i>Nội dung 04</i>	1.200	0	1.200	
a	Chi triển khai Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm (OCOP)	1.200		1.200	
2	Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM	1.350	0	1.350	
2.1	<i>Nội dung 01</i>	1.350	0	1.350	

TT	Nội dung	TỔNG SỐ	Trong đó		KBNN nơi giao dịch
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
a	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	620		620	
b	Chi nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp	280		280	
c	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin tuyên truyền	450		450	
II	CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN	500	0	500	
	<i>Mã số: 1082493 (Mã chương trình mục tiêu: 0490, tiểu mục: 0493)</i>				
	<i>Chương 412</i>				
	Kinh phí từ NSNN cấp:				KBNN tỉnh Quảng Ngãi, MKBNN: 2111
	Kinh phí sự nghiệp (Loại 280-281)	500	0	500	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500	0	500	
1	Nội dung thành phần 03. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; Chương trình OCOP; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn...	500	0	500	
1.1	<i>Nội dung 06</i>	500	0	500	
a	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	500		500	
III	CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	2.800	650	2.150	
	<i>Mã số: 1081443 (Mã chương trình mục tiêu: 0490, tiểu mục 0493)</i>				
	<i>Chương 412</i>				
	Kinh phí từ NSNN cấp:				KBNN tỉnh Quảng Ngãi, MKBNN: 2111
	Kinh phí sự nghiệp (Loại 280 Khoản 285)	2.800	650	2.150	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.800	650	2.150	
1	Hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 (theo Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 26/3/2022 và Quyết định 1458/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; Quyết định 705/QĐ-UBND ngày 18/5/2021)	1.300	650	650	

TT	Nội dung	TỔNG SỐ	Trong đó		KBNN nơi giao dịch
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
1.1	Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về KTTT HTX	350		350	
1.2	Thành lập mới, củng cố lại HTX	300		300	
1.3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	0		0	
1.4	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể, HTX	500	500		
1.5	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu tuyên truyền hỗ trợ về kinh tế tập thể	150	150		
2	Đào tạo nghề nông nghiệp (theo kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 27/4/2023 của chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	200	0	200	
	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, quản lý thực hiện chương trình	200		200	
3	Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn (theo Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)	1.300		1.300	

PHỤ LỤC 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

Mã số sử dụng ngân sách: 1114223

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNPTNT ngày tháng 02 năm 2024 của Sở NN và PTNT)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		KBNN nơi giao dịch
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
I	Tổng số thu, ngân sách phí, lệ phí				
1	Thu phí, lệ phí				
2	Thu sự nghiệp				
3	Thu khác				
II	Số phí, lệ phí nộp NSNN theo quy định				
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.550	0	2.550	
	(Mã chương trình mục tiêu: 0490, tiểu mục: 0493)				KBNN Q.Ngãi, MS: 2111
	Kinh phí sự nghiệp (412-280-281)	2.550	0	2.550	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.550	0	2.550	
1	Nội dung thành phần 03. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; Chương trình OCOP; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn...	1.200	0	1.200	
1.1	<i>Nội dung 04</i>	<i>1.200</i>	<i>0</i>	<i>1.200</i>	
a	Chi triển khai Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm (OCOP)	1.200	0	1.200	
2	Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM	1.350	0	1.350	
2.2	<i>Nội dung 01</i>	1.350	0	1.350	
a	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	620	0	620	
b	Chi nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp	280	0	280	
c	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin tuyên truyền	450	0	450	

PHỤ LỤC 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

**Đơn vị: CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

Mã số sử dụng ngân sách: 1082493

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNPTNT ngày tháng 02 năm 2024 của Sở NN và PTNT)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		KBNN nơi giao dịch
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
I	Tổng số thu, ngân sách phí, lệ phí				
1	Thu phí, lệ phí				
2	Thu sự nghiệp				
3	Thu khác				
II	Số phí, lệ phí nộp NSNN theo quy định				
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	500	0	500	KBNN Q.Ngãi, MS: 2111
	(Mã chương trình mục tiêu: 0490, tiểu mục: 0493)				
	Kinh phí sự nghiệp (412-280-281)	500	0	500	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500	0	500	
1	Nội dung thành phần 03. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; Chương trình OCOP; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn...	500	0	500	
1.1	Nội dung 06	500	0	500	
a	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	500	0	500	

PHỤ LỤC 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024
Đơn vị: CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024

Mã số sử dụng ngân sách: 1081443

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNPTNT ngày tháng 02 năm 2024 của Sở NN và PTNT)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Tổng số		KBNN nơi giao dịch
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
I	Tổng số thu, ngân sách phí, lệ phí				
1	Thu phí, lệ phí				
2	Thu sự nghiệp				
3	Thu khác				
II	Số phí, lệ phí nộp NSNN theo quy định				
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.800	650	2.150	
	Mã chương trình mục tiêu: 0490, tiểu mục 0493				KBNN Q.Ngãi, MS: 2111
	Kinh phí sự nghiệp (Loại 280 Khoản 285)	2.800	650	2.150	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.800	650	2.150	
1	Hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 (theo Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 26/3/2022 và Quyết định 1458/QĐ-UBND ngày 25/10/2022; Quyết định 705/QĐ-UBND ngày 18/5/2021)	1.300	650	650	
1.1	Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về KTTT HTX	350	0	350	
1.2	Thành lập mới, củng cố lại HTX	300	0	300	
1.3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	0	0	0	
1.4	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể, HTX	500	500	0	
1.5	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu tuyên truyền hỗ trợ về kinh tế tập thể	150	150	0	
2	Đào tạo nghề nông nghiệp (theo kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 27/4/2023 của chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	200	0	200	
	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, quản lý thực hiện chương trình	200	0	200	
3	Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn (theo Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 21/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)	1.300	0	1.300	